

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P7+RP1	7:25	17+0+5	0+0+0		10+4+8	0+0+0	CHUYỂN 2 TD1 RP1
2		CIO+P1	7:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
3		RP3+RP2	7:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
4		TD5+CIO	7:25	19+3	0+0		18+4	0+0	
5		T.JUNG	7:25	19	0		16	0	
6		TD3+RP1	9:25	20+2	0+0		15+4	0+0	
7		JS2+RP2	9:25	10+12	0+0		9+13	0+0	
8		RC5+TD5+TD3	9:25	11+5+6	0+0+0		7+5+9	0+0+0	CHUYỂN 1 TD5 TD3
9		RC3+RP2	9:25	8+14	0+0		8+14	0+0	
10		AMD+P4+TD1	11:25	10+5+7	0+0+0		0+4+14	0+0+0	
11		RP1	11:25	22	0		15	0	
12		RP1+RP3	11:25	2+20	0+0		0+20	0+0	
13		RC6+RC4+RCDM	11:25	10+6+6	0+0+0		5+6+6	0+0+0	
14		RP3+RC5	13:25	22+0	0+0		10+8	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ ĐI VỀ TRONG NGÀY RC5-4NG, RP3-2NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD1 - P7 - RP1	CREW: Hoi - Chen Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KLIUZHEV R.V	TD1	47	1	5		110	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN DUNG	TD1	44	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN QUY	TD1	55	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD1	85	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN HOAN	TD1	84	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH HAI*PK-PVD	TD1	86	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VĂN DUY	TD1	87	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1	46	1	5	80	50	KHOAN	Vietnamese
11	BUI VĂN NINH	TD1	49-50	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	42	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUNG	TD1	95	1	5		75	SHINTRAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TỎ THANH	TD1	51	1	5		65	SHINTRAC	Vietnamese
15	HỒ MINH TÂN	TD1	52	1	5		90	SHINTRAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THUY	TD1	45	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
17	LÊ VĂN UÂN	TD1	43	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC NINH	TD1	54	1	15		72	DVL	Vietnamese
19	VU DINH HOAN	RP1	891-892	2	12		70	KH-THAC	Russian
20	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUANG TUNG	RP1				40	70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC PHONG	RP1	86	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	17	90	1.295	80	11	2	CHUYEN 2 PAX TD1 SANG RP1
2	P7	0	0	0	0	0	4		
3	RP1	4	3	17	281	40	7		
TOTAL		22	20	107	1.576	120	22		
WEIGHT KG				107	1.576	120			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CLO - P1	CREW: HUNG - Duong - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

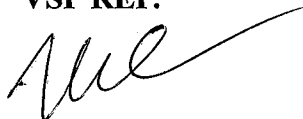
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	51	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN LAM	CLO	54	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	62	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	59	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN HỮU SƠN	CLO	53	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ NGỌC LUÂN	CLO					86	KHOAN	Vietnamese
7	CHU ĐỨC AI	CLO	49-50	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TAM	CLO	52	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
9	VŨNG NGỌC HOÀN	CLO	72-73	2	8		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH LỘ	CLO	63-64	2	10		61	KHOAN	Vietnamese
11	LE TIEN DUONG	CLO	77	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	CLO	55-56	2	12		80	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN MINH TUNG	CLO	57-58	2	16		75	CODIEN	Vietnamese
14	LUU QUANG ĐẠT	CLO	67-68	2	11		68	CODIEN	Vietnamese
15	VŨ NGỌC THAI SƠN	CLO	69	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
16	DOÀN VIỆT ĐỒNG	CLO	70-71	2	12	38	71	CODIEN	Vietnamese
17	DƯƠNG ĐÌNH DŨNG	CLO	60	1	3		75	PSV	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN THẠCH	CLO	65	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	LE VĂN VIỆT	CLO	61	1	5		77	PSV	Vietnamese
20	LUU VĂN TRỌNG	CLO	66	1	3		58	PSV	Vietnamese
21	HOÀNG HỮU THO	CLO	80	1	4		78	PSV	Vietnamese
22	HOÀNG NGỌC HOA	CLO	79	1	7		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

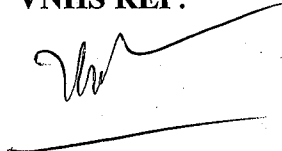
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	28	155	1.561	58	19		
2	P1	0	0	0	0	40	3		
TOTAL		22	28	155	1.561	98	22		
WEIGHT KG				155	1.561	98			

GRAND TOAL: 1.794 KGS + 20kg

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: RP3 - RP2	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH XUÂN TRƯỞNG	RP3					74	D-HANH	Vietnamese
2	BUI ANH SƠN	RP3	07	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN SƠN	RP3	13	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANHTRUNG	RP3	11	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM QUANG TRUNG	RP3				40	72	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ TÂN CHÂU	RP3	12	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NHÂM ĐIỆN BIÊN	RP3	05	1	5		65	NIPI	Vietnamese
8	QUÁCH VĂN THAO	RP3	08-10	3	16		72	YTE	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	06	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN BAN	RP2	99	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	96	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH YÊN	RP2	92	1	3		47	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN LÝ	RP2	98	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH DUY	RP2	93	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	91	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	200	1	5	65	75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGUYỄN BẢO MINH	RP2	97	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN TUẤN	RP2	95	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÌNH VĂN QUẢN	RP2	42	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THANH	RP2	43	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN LONG	RP2	94	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2	90	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	9	9	43	648	40	8		
2	RP2	13	13	55	875	65	14		
TOTAL		22	22	98	1.523	105	22		
WEIGHT KG				98	1.523	105			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: TD5 - CLO	CREW: Vận - NPhú - NNam	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GILEKHANOV R.R	TD5	30	1	7		80	KHOAN	Russian
2	ĐẠO QUANG MINH	TD5	40	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	ALEKHIN A.G	TD5	31	1	7		97	KHOAN	Russian
4	TÔ ĐÌNH TỬ	TD5	47	1	4		70	YTE	Vietnamese
5	PHẠM TUẤN VIỆT-ĐK	TD5	34	1	10		85	CỤC ĐKVI	Vietnamese
6	VÔ NGUYỄN KHANG	TD5	36	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	42	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
8	TÔ THANH HÙNG	TD5	41	1	8		52	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MINH CÔNG	TD5	46	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	43	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	45	1	4		52	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN HỒN	TD5	35	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
13	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	44	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
14	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	37	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÌNH ĐỨC KIẾN	TD5	38	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN CAO DANH	TD5	39	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN NGUYỄN-PVDT	TD5	33	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
18	TRỊNH HOÀNG KHANH	TD5	32	1	11		87	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5					75	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VĂN HÙNG	CLO	04	1	2		59	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN CÂN	CLO	05	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	PHẠM MINH ĐỨC	CLO	3000	1	4		83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	18	126	1.371	0	18		
2	CLO	3	3	11	212	0	4		
TOTAL		22	21	137	1.583	0	22		
WEIGHT KG				137	1.583	0			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:32
FLIGHT: 5	TO: T.UNG	CREW: Hoài - Khánh	ETA: 10:30
NAU-1A			

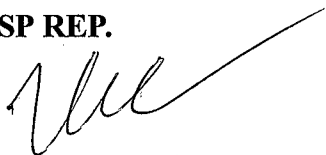
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM GIÁP TRI	T.UNG	92	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ANH TUÂN	T.UNG	94	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	99	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	97	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	96	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY DU	T.UNG	95	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	82	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN MINH TÂM	T.UNG	78	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VIỆT TÙNG	T.UNG	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HÙNG TUÂN	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO THANH TÙNG	T.UNG	81	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HỮU TUÔNG	T.UNG	79	1	5		60	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG QUÂN	T.UNG	83-84	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
15	ĐẶNG KIM THANH	T.UNG	100	1	5		66	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN QUYẾT TIỀN	T.UNG	93	1	6		73	PVGAS	Vietnamese
17	NGUYỄN DINH TUÂN	T.UNG	85-86	2	15		50	KH-THAC	Vietnamese
18	TANG MẠNH HÀ	T.UNG	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	DO VĂN CUONG	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

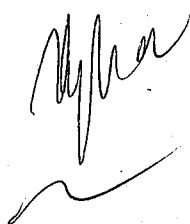
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	18	100	1.331	0	16		
	TOTAL	19	18	100	1.331	0	16		
	WEIGHT KG			100	1.331	0			

GRAND TOTAL: 1.431 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: TD3 - RP1	CREW: Hôi - CHIẾN - Luy	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VUONG HUU QUOC THAI	TD3	50	1	5	40	78	KHOAN	Vietnamese
2	VU ANH HIEU	TD3	53	1	15		60	SCHLUMB	Vietnamese
3	NGUYEN VIET HUNG	TD3	38	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGO DUY THANH	TD3	39	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
5	VU TRONG NGHIA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN CONG HOAN	TD3	52	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
7	LE MINH DUC	TD3	58-59	2	10		68	CO DIEN	Vietnamese
8	TRAN TRONG BANG	TD3	51	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN HUONG	TD3	43	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG NAM	TD3	49	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG THANH TU	TD3					84	KHOAN	Vietnamese
12	DANG HUU TAI-MC-PVD	TD3	57	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN QUAN-PVDT	TD3	48	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN NGOC TUAN	TD3	41	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
15	BUI THAI QUI	TD3	44	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
16	LE HAI NGAN	TD3	40	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
17	DUONG QUOC VIET	TD3	42	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
18	CAO DAC DAN	TD3	45-46	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
19	DO XUAN LINH	TD3	47	1	6		85	CODIEN	Vietnamese
20	MAMEDOV	RP1	93	1	5	70	82	KH-THAC	Russian
21	KOROQLUEV RAMIL	RP1	95	1	5		70	KH-THAC	Russian
22	NIKITIN DMITRIY	RP1	94	1	2		90	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	19	130	1.345	40	15		
2	RP1	3	3	12	242	70	5		
TOTAL		22	22	142	1.587	110	20		
WEIGHT KG				142	1.587	110			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 7	TO: JS2 - RP2	CREW: HUNG - Duong - THU	ETA: 11:25
TRANG-2			

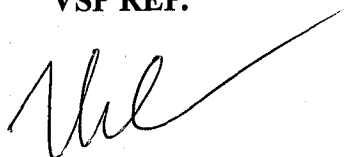
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN NINH	JS2	14	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
2	CLIFFORD FERNANDES	JS2				27	87	KHOAN	Indian
3	PHAN CONG HOANG	JS2	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN CONG TUYEN	JS2	17-18	2	6	47	74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN HUYEN	JS2	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO TUAN ANH	JS2	87	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC HAI	JS2	15	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN HOANG TRIEU	JS2	21-22	2	15		62	T-TIN	Vietnamese
9	LE VAN LOI	JS2	86,23	2	15		50	T-TIN	Vietnamese
10	DINH VAN GIANG	JS2	20	1	4		74	GETRACO	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN DAT	RP2	39	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN THANH TUAN	RP2	36	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM QUANG LOI	RP2	35	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	37	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
15	VU DUY QUYEN	RP2	43	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HOANG	RP2	40	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CHI CUONG	RP2	34	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM BA HOANG	RP2	41	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
19	HO DUC LONG	RP2	42	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HAI SANG	RP2	38	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN QUOC KHANH	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET HUNG	RP2	33	1	7		93	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

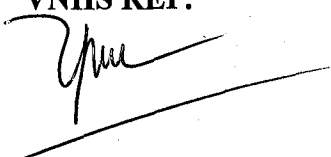
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	10	12	66	685	74	9	+50KG	50 KG HANG VE BO JS2
2	RP2	12	11	47	821	0	13		
TOTAL		22	23	113	1.506	74	22		
WEIGHT KG				113	1.506	74			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	TO: RC5 - TD5 - TD3	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	RC5	95	1	3	80	72	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	RC5					75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THẮNG	RC5					55	NIPI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DŨNG	RC5	90	1	3		65	NIPI	Vietnamese
5	GUSEINOV	RC5	89	1	5		86	KH-THAC	Russian
6	BUI QUỐC VIỆT	RC5	92	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC5	06	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN CÚC	RC5	94	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ QUỐC HUY	RC5	93	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN TRUNG	RC5	96	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	91	1	5		67	PSV	Vietnamese
12	REZNIKOV	TD5	94	1	12		92	D-HANH	Russian
13	VŨ THANH TÙNG	TD5	96	1	6		75	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH THỦ	TD5	95	1	7		55	D-HANH	Vietnamese
15	LÊ MẠNH HÙNG	TD5					75	ANTOAN	Vietnamese
16	PHẠM THANH DŨNG	TD3	100	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ MẠNH HÙNG	TD3	99	1	8		76	ANTOAN	Vietnamese
18	TRẦN THAI AN	TD3	70-71	2	15	10	72	DVL	Vietnamese
19	ĐINH VIỆT DŨNG	TD3	73	1	4		55	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN NAM HAI	TD3	98	1	5	15	72	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN TUÂN HAI	TD3	97	1	3		60	PSV	Vietnamese
22	HOÀNG SỸ THẬP	TD3					84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	11	9	61	811	80	7		CHUYỂN 1 PAX TD5 SANG TD3
2	TD5	4	3	25	297	0	5		
3	TD3	7	7	39	485	25	9		
TOTAL		22	19	125	1.593	105	21		
WEIGHT KG				125	1.593	105			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 9	TO: RC3 - RP2	CREW: Vận - NPhú - NNam	ETA: 11:35
Ngày 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	46	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	52	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG HOANG ANH	RC3	51	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG AN	RC3	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ TUẤN ANH	RC3	49	1	5	40	57	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN QUYỀN	RC3	50	1	2		55	GETRACO	Vietnamese
7	ĐOAN ANH THAI	RC3	44	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
8	ĐỖ XUÂN LỢI	RC3	47-48	2	8		80	PVGAS	Vietnamese
9	TÀ VĂN VIỆT	RP2	59	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	RP2	54	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CANH TÂN	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI ĐÌNH PHI	RP2	50	1	3		63	NPI	Vietnamese
14	MISHIN A.	RP2	48	1	6		110	NPI	Russian
15	LÊ TRUNG HIỆU	RP2	57-58	2	13		62	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN HUỆ	RP2	60-61	2	7		64	T-TIN	Vietnamese
17	LÊ VĂN TÀI	RP2					77	GETRACO	Vietnamese
18	TRINH VĂN KIỂM	RP2	55	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
19	VŨ HOANG QUÂN	RP2	49	1	3	20	57	GETRACO	Vietnamese
20	LÊ TUẤN VŨ	RP2	53	1	5		97	GETRACO	Vietnamese
21	VƯƠNG KHÁ KIỀU	RP2	52	1	3		68	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	51	1	9		67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	8	9	41	553	40	8		
2	RP2	14	14	74	1.000	20	14		
TOTAL		22	23	115	1.553	60	22		
WEIGHT KG				115	1.553	60			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	TO: AMD - P4 - TD1	CREW: Hạnh - MTuấn - Toan	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN QUOC TOAN	AMD	08	1	7		54	DKE	Vietnamese
2	CAO ĐỨC CƯỜNG	AMD	96-97	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HUYNH CƯỜNG	AMD	14-15	2	17		75	CODIEN	Vietnamese
4	HỒ CHIẾN THẮNG	AMD	4000	1	8		55	CODIEN	Vietnamese
5	VŨ MẠNH ĐIẾP	AMD	09-11	3	17		70	CODIEN	Vietnamese
6	ĐỖ DUY TIẾN	AMD	98-99	2	12		82	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG KIẾN	AMD	16	1	12		60	NHATHAU	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TIỂU	AMD	12-13	2	7		65	NHATHAU	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC LUÂN	AMD	95	1	5		70	NHATHAU	Vietnamese
10	TRỊNH HỮU HIỆU	AMD	07	1	5		70	NHATHAU	Vietnamese
11	LƯU QUỐC NHẬT	P4	81	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN QUYẾT	P4	84	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P4	83	1	5		80	KHI	Vietnamese
14	SAVELEV	P4	85	1	10		90	NIPI	Russian
15	PHAN VĂN THỊNH	P4	82	1	5		74	NIPI	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC PHÚ	TD1	07	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	HOANG VĂN BAY	TD1	06	1	5		50	PSV	Vietnamese
18	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	03	1	3		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN THUẬT	TD1	02	1	5		78	PSV	Vietnamese
20	ĐÀU ĐỨC HÙNG	TD1	04	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	01	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	VŨ VĂN PHÚC	TD1	05	1	3		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	16	100	671	0	0		
2	P4	5	5	28	379	0	4		
3	TD1	7	7	31	458	0	14		
TOTAL		22	28	159	1.508	0	18		
WEIGHT KG				159	1.508	0			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	TO: RP1	CREW: HÙNG - Dương - THỤ	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	RP1	72-73	2	18	35	65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	64	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	89	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN MINH HIẾU	RP1	67	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
5	TẠO QUANG NGÂN	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	71	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	78	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NAM SINH	RP1	57-58	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	900	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	RP1	59	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC HỒNG	RP1	66	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	60-61	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BÀ QUÝ	RP1	70	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	74-75	2	5		81	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THUY	RP1	90	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG THẾ ANH	RP1	63	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH TUÂN	RP1	69	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	RP1	65	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH CÔNG	RP1					58	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN KHOA TRƯỞNG	RP1	56	1	6		74	NIP1	Vietnamese
22	PHAN VĂN NGỌ	RP1	62	1	3		55	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	24	132	1.572	35	16		
TOTAL		22	24	132	1.572	35	16		
WEIGHT KG				132	1.572	35			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:02
FLIGHT: 12	TO: RP1 - RP3	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 13:40
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG PHƯƠNG	RP1	49	1	5		62	PSV	Vietnamese
2	PHAN CÔNG SÂM	RP1	48	1	5		65	PSV	Vietnamese
3	PHẠM VĂN ANH	RP3	24	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
4	LUƠNG QUANG THƯƠNG	RP3	25	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ QUANG HÙNG	RP3	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HUY MẠNH	RP3	28	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HA QUANG TRUNG	RP3	35	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
8	DUBOV A.V	RP3	29	1	10		80	KH-THAC	Russian
9	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3					64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	34	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	19	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN HÒA	RP3	20	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	37	1	4	30	60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	23	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VĂN HIẾN	RP3	36	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	31-33	3	11		87	KH-THAC	Vietnamese
17	LUƠNG VĂN LUƠNG	RP3	26-27	2	8		90	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THÀNH DƯƠNG	RP3	16	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
19	VU QUANG HUNG	RP3	18	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	22	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	21	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	30	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	2	2	10	127	0	0		
2	RP3	20	22	123	1.385	30	20		
TOTAL		22	24	133	1.512	30	20		
WEIGHT KG				133	1.512	30			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:05
FLIGHT: 13	TO: RC6 - RC4 - RCDM	CREW: Vận - VLin - DTùng	ETA: 13:45
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH THI	RC6	20	1	5		118	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN TUNG	RC6	93	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN TRUONG	RC6	21	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC LINH	RC6	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THE VU	RC6	19	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN MINH	RC6	18	1	11		60	CODIEN	Vietnamese
7	CHU TUAN ANH	RC6	94-95	2	13	63	64	CODIEN	Vietnamese
8	LE THANH HIEU	RC6	200	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
9	DO DUC ANH	RC6	90-91	2	18		80	CODIEN	Vietnamese
10	KIEU MINH QUYET	RC6	96	1	4		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG MINH	RC4	48	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VAN TUAN	RC4	49	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN CÔNG	RC4	45	1	5	45	80	KH-THAC	Vietnamese
14	CHU TIEN BINH	RC4	44	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HA VAN NIEM	RC4	47	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	MAI VAN TUONG	RC4	46	1	3		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	40-41	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO DAI TOAN	RCDM	36	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG TI	RCDM					65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG MINH DUNG	RCDM	38	1	4	40	74	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN TIẾN LƯU	RCDM	39	1	8		65	NIPI	Vietnamese
22	HỒ TRỌNG BANG	RCDM	50	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

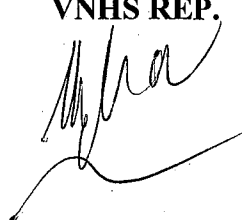
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	10	12	89	731	63	5		
2	RC4	6	6	30	398	45	6		
3	RCDM	6	6	40	409	40	6		
TOTAL		22	24	159	1.538	148	17		
WEIGHT KG				159	1.538	148			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:00
FLIGHT: 14	TO: RP3 - RC5	CREW: Hạnh - <i>M. Tuấn</i> - Toàn	ETA: 15:40
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG VŨ	RP3					78	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN KHIÊM HIỆU	RP3	45	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC HUY	RP3	50	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG XUÂN HUNG	RP3					60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CUÔNG	RP3	51-52	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VIỆT DŨNG	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ XUÂN THĂNG	RP3	46	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN SỸ	RP3	48	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THẾ ANH	RP3	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HẠNH	RP3	62-63	2	16		52	CODIEN	Vietnamese
11	HOANG ĐỨC HAI	RP3	44	1	11	32	58	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	RP3	54	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	RP3	53	1	13		60	CODIEN	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG LINH	RP3	55	1	2		75	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
16	VŨ TẠ HÙNG	RP3	49	1	8		70	KHI	Vietnamese
17	PHI HUNG	RP3	41	1	7		71	KHI	Vietnamese
18	LÊ VĂN TOÀN	RP3	43	1	7		66	KHI	Vietnamese
19	ĐỖ QUỐC VŨ	RP3	42	1	10		60	KHI	Vietnamese
20	DANIEL EMMANUEL	RP3	56	1	8		112	KHI	Indian
21	ĐỖ PHÚ SANG	RP3	60-61	2	7		72	KHI	Vietnamese
22	SCHIT HTWE	RP3	57-59	3	18		82	KHI	Myanmar

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	23	151	1.545	32	10		
2	RC5	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	23	151	1.545	32	18		
WEIGHT KG				151	1.545	32			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN